

**VCCI**

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



Tổ chức  
Lao động  
Quốc tế

# QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VỀ PHÒNG NGỪA VÀ GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM

TRONG CÁC LĨNH VỰC DA GIẤY, MAY MẶC, CHẾ BIẾN THỦY SẢN,  
CHẾ TÁC ĐÁ VÀ GỖ, THỦ CÔNG MỸ NGHỆ (MÂY TRE ĐAN,  
CHIẾU COI, THÊU REN)





# QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VỀ PHÒNG NGỪA VÀ GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM

TRONG CÁC LĨNH VỰC DA GIẤY, MAY MẶC, CHẾ BIẾN THỦY SẢN,  
CHẾ TÁC ĐÁ VÀ GỖ, THỦ CÔNG MỸ NGHỆ (MÂY TRE ĐAN,  
CHIẾU COI, THÊU REN)



Bản quyền © Tổ chức Lao động Quốc tế [2019]

Xuất bản lần đầu tháng 9 năm 2019

Tái bản lần 2 (có sửa đổi) tháng 9 năm 2020



Đây là ấn phẩm truy cập mở được phân phối theo Giấy phép Quốc tế Creative Commons Attribution 4.0 (<https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/>). Người dùng có thể sử dụng lại, chia sẻ, điều chỉnh và viết lại dựa trên tác phẩm gốc, theo chi tiết trong Giấy phép. ILO phải được ghi nhận là chủ sở hữu của tác phẩm gốc. Người dùng không được phép sử dụng biểu tượng của ILO trong công việc của mình.

**Trích dẫn** – Ấn phẩm này cần được trích dẫn như sau: *Quy tắc ứng xử của người sử dụng lao động về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em*, Tổ chức Lao động Quốc tế, 2020.

**Bản dịch** – Bản dịch của ấn phẩm này cần bổ sung tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây: *Bản dịch này không phải là bản dịch của Văn phòng Lao động Quốc tế (ILO) và không được coi là bản dịch chính thức của ILO. ILO không chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch này.*

**Bản điều chỉnh phù hợp với điều kiện địa phương** – Bản điều chỉnh của ấn phẩm này cần bổ sung tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây: *Đây là bản điều chỉnh của tác phẩm gốc của Văn phòng Lao động Quốc tế (ILO). Trách nhiệm đối với các quan điểm và ý kiến được thể hiện trong bản điều chỉnh chỉ thuộc về (các) tác giả của bản điều chỉnh và không được ILO phê chuẩn.*

Các câu hỏi về quyền và cấp phép xin gửi về Nhà xuất bản ILO (Quyền và Cấp phép), CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ hoặc qua email [rights@ilo.org](mailto:rights@ilo.org).

---

*Quy tắc ứng xử của người sử dụng lao động về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em*, Tổ chức Lao động Quốc tế, 2020.

ISBN: 978-92-2-133992-2 (Print), 978-92-2-133993-9 (Web PDF)

---

Các quy định áp dụng đối với các ấn phẩm của ILO phù hợp với nguyên tắc của Liên Hợp Quốc, và cách trình bày tài liệu trong ấn phẩm không thể hiện quan điểm của ILO về tình trạng pháp lý của bất cứ quốc gia, khu vực, vùng lãnh thổ hoặc chính quyền hoặc vùng phân định biên giới nào.

Các ý kiến đưa ra trong các bài báo, nghiên cứu, và các tài liệu khác có tên tác giả thuộc trách nhiệm của các tác giả, và ILO không chứng thực cho những ý kiến được đưa ra trong ấn phẩm.

Việc viện dẫn tên công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại không đồng nghĩa với việc ILO chứng thực các công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó, và việc không được nhắc đến trong ấn phẩm không có nghĩa là ILO không ủng hộ công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó.

Truy cập trang web [www.ilo.org/publns](http://www.ilo.org/publns) để có thông tin về các ấn phẩm và sản phẩm số của ILO. [www.ilo.org/publns](http://www.ilo.org/publns).

---

Sản phẩm này được thực hiện từ nguồn hỗ trợ Bộ Lao động Hoa Kỳ tài trợ theo Thỏa thuận Hợp tác số IL-26682-14-75-K-11. Một trăm phần trăm tổng chi phí Dự án do chính phủ Hoa Kỳ tài trợ với tổng số tiền là 10 triệu đô la. Tài liệu này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay các chính sách của Bộ Lao động Hoa Kỳ, cũng như việc đề cập đến thương hiệu, sản phẩm thương mại hay tổ chức nào không có nghĩa bao hàm sự chứng thực của Chính phủ Hoa Kỳ.

---

In tại Việt Nam

# Mục lục

iii

|   |    |
|---|----|
| <b>Phần 1. Tại sao cần có bộ quy tắc ứng xử về lao động trẻ em</b> .....  | 1  |
| 1. Quy tắc ứng xử là gì .....   | 1  |
| 2. Tại sao doanh nghiệp cần có bộ quy tắc ứng xử về lao động trẻ em .....   | 1  |
| <b>Phần 2. Quy tắc ứng xử về lao động trẻ em áp dụng chung cho mọi doanh nghiệp</b> .....   | 3  |
| <b>Phần 3. Những cam kết áp dụng thêm cho một số lĩnh vực trọng tâm</b> .....   | 7  |
| 1. Lĩnh vực da giày và may mặc .....  | 7  |
| 2. Lĩnh vực chế biến thủy hải sản .....   | 9  |
| 3. Lĩnh vực thủ công mỹ nghệ (mây tre đan, dệt chiếu, dệt thổ cẩm và thêu ren) .....  | 12 |
| 4. Lĩnh vực sản xuất đá mỹ nghệ; gỗ mỹ nghệ; chế biến gỗ .....  | 12 |
| <b>Phần 4. Giám sát - kiểm tra</b> .....  | 17 |
| 1. Giám sát - Đánh giá .....  | 17 |
| 2. Bảng kiểm tra giám sát .....   | 17 |
| <b>Phụ lục</b>  |    |
| Phụ lục 1. Khái niệm và tiêu chí xác định lao động trẻ em.....  | 20 |
| Phụ lục 2. Độ tuổi lao động, thời giờ làm việc và trách nhiệm của người sử dụng lao động khi sử dụng người lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam ..... | 25 |

|   |    |
|---|----|
| Phụ lục 3. Các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam . | 28 |
| Phụ lục 4. Các trường hợp loại trừ theo Công ước 138 của ILO .....  | 40 |
| Phụ lục 5. Các công việc được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc theo pháp luật Việt Nam .....               | 42 |

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) là một tổ chức quốc gia tập hợp và đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, người sử dụng lao động và các hiệp hội doanh nghiệp ở Việt Nam nhằm mục đích phát triển, bảo vệ và hỗ trợ các doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thúc đẩy các quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và khoa học - công nghệ giữa Việt Nam với các nước trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi. VCCI là tổ chức độc lập, phi chính phủ, phi lợi nhuận, có tư cách pháp nhân và tự chủ về tài chính.

Một trong những nhiệm vụ của VCCI là: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật, nâng cao trách nhiệm xã hội, đạo đức và văn hóa kinh doanh, xây dựng quan hệ lao động thuận hòa, bảo vệ môi trường và tham gia các hoạt động xã hội khác phù hợp với mục tiêu của VCCI.

Quy tắc ứng xử này được xây dựng trên cơ sở các kiến đóng góp xây dựng và cùng thống nhất thông qua của một nhóm những người sử dụng lao động trên địa bàn Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và An Giang, Cục Trẻ em - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội với sự hỗ trợ của dự án Hỗ trợ kỹ thuật năng cao năng lực quốc gia phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em tại Việt Nam ( ENHANCE) của tổ chức Lao động quốc tế và Văn phòng Giới sử dụng lao động - VCCI trong khuôn khổ hợp tác giữa ENHANCE/ILO và Văn phòng Giới sử dụng lao động - VCCI.

Quy tắc ứng xử này là tuyên bố của Giới sử dụng lao động, khuyến khích những người sử dụng lao động trong 04 lĩnh vực ngành nghề (Da giày và May mặc; Chế biến thủy hải sản; Chế tác đá - gỗ và Thủ công mỹ nghệ: mây tre đan, chiếu cói, thêu ren), các địa phương

tán thành và triển khai thực hiện, không mang tính pháp lý, không áp đặt bắt buộc đối với các doanh nghiệp.

Văn phòng Giới sử dụng lao động - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trân trọng cảm ơn Dự án ENHANCE/ILO, Cục Trẻ em - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Chuyên gia tư vấn (Bà Nguyễn Hương Trà) và đặc biệt là những người sử dụng lao động các tỉnh/thành phố đã dành thời gian đóng góp nhiều ý kiến cho việc xây dựng và triển khai thực hiện bộ quy tắc ứng xử này.



# PHẦN 1:

## TẠI SAO CẦN CÓ BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM

1

### 1. Quy tắc ứng xử là gì

Quy tắc ứng xử về lao động trẻ em là những cam kết của giới sử dụng lao động từ nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, cùng thống nhất những nội dung cam kết thực hiện có liên quan đến phòng ngừa lao động trẻ em tại các doanh nghiệp/cơ sở sản xuất kinh doanh (DN/CSSXKD), trên cơ sở những người sử dụng lao động tự xây dựng và thống nhất thông qua để thực hiện.

### 2. Tại sao doanh nghiệp cần có bộ quy tắc ứng xử về lao động trẻ em

Bộ quy tắc ứng xử về lao động trẻ em được xây dựng nhằm:

- Giúp những người sử dụng lao động (NSDLĐ) hiểu rõ hơn các vấn đề liên quan đến lao động trẻ em tại các DN/CSSXKD;
- Thúc đẩy NSDLĐ cùng góp phần xây dựng, thống nhất và cụ thể hóa các nội dung có liên quan đến lao động trẻ em, cam kết thực hiện các nội dung đã được thông qua nhằm phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động chưa thành niên tại DN/CSSXKD;

- Tạo ra sự đồng thuận, từng bước nhân rộng sự tham gia của những NSDLĐ ở nhiều ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn khác nhau cùng góp phần thực hiện các hoạt động nhằm phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em, góp phần thực hiện chiến lược chung của quốc gia về xóa bỏ lao động trẻ em.

# PHẦN 2: QUY TẮC ỨNG XỬ VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM ÁP DỤNG CHUNG CHO MỌI DOANH NGHIỆP

| 3

Doanh nghiệp cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến:

- Tuổi lao động;
- Thời giờ làm việc;
- Các công việc, nơi làm việc, điều kiện lao động được phép và Cấm sử dụng người lao động (NLĐ) chưa thành niên theo độ tuổi; và
- Trách nhiệm của NSDLD khi sử dụng người dưới 18 tuổi làm việc.

Hơn nữa, theo quy tắc ứng xử này những NSDLD thống nhất cùng nhau cam kết:

**1 Chủ động tiến hành những biện pháp thiết thực để phát hiện, phòng ngừa lao động trẻ em và đảm bảo thực hiện đúng các quy định pháp luật về sử dụng người lao động chưa thành niên trong DN, cụ thể là:**

1.1. Xây dựng và áp dụng cam kết chính sách về lao động trẻ em trong toàn bộ doanh nghiệp và chuỗi cung ứng. Tùy yêu cầu thực tế doanh nghiệp sẽ xây dựng một chính sách riêng hoặc

lồng ghép cam kết về lao động trẻ em vào những chính sách hiện thời. Quan trọng là doanh nghiệp đảm bảo rà soát và điều chỉnh đồng bộ các chính sách và quy trình vận hành so với cam kết chính sách về lao động trẻ em;

- 1.2. Chủ động rà soát đánh giá tình hình lao động trẻ em trong DN và chuỗi cung ứng, xây dựng cơ chế khắc phục và khiếu nại nếu kết quả đánh giá cho thấy DN có góp phần làm phát sinh hoặc liên quan đến lao động trẻ em hoặc thiếu tuân thủ quy định pháp luật về sử dụng NLD dưới 18 tuổi;
- 1.3. Nếu có sử dụng người dưới 18 tuổi vào những công việc được pháp luật cho phép, đảm bảo sử dụng không vượt quá số giờ làm việc theo luật định, trong môi trường và điều kiện lao động phù hợp với độ tuổi và sức khỏe của các em, không làm việc vào ban đêm;
- 1.4. Bố trí thời gian làm việc hợp lý, khuyến khích và tạo cơ hội để NLD dưới 18 tuổi tham gia lao động được học tập đào tạo, vui chơi, phát triển thể lực, trí lực và nhân cách phù hợp;
- 1.5. Lồng ghép chính sách và hành động phòng chống lao động trẻ em vào hoạt động SXKD thông thường thông qua việc giao trách nhiệm và quyền hạn cụ thể cho cán bộ phụ trách và phân bổ đủ nguồn lực triển khai;
- 1.6. Lập sổ theo dõi riêng, giám sát đánh giá hiệu quả công tác phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em và sử dụng NLD dưới 18 tuổi đúng quy định pháp luật thông qua các hệ thống giám sát thường xuyên trong và ngoài DN, hướng tới chứng nhận và dán nhãn sản phẩm trách nhiệm xã hội khi có điều kiện;
- 1.7. Cung cấp thông tin và huy động tổng lực sự tham gia của các bên liên quan như nhà trường, cộng đồng, chính quyền địa phương, các tổ chức phát triển vào công tác phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em, và đặc biệt chú trọng tham vấn và phối hợp với chính trẻ em và gia đình.

## **2** Xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ, đảm bảo điều kiện lao động công bằng bình đẳng cho người lao động chưa thành niên trong DN, cụ thể là:

- 2.1. Thực hiện ký hợp đồng lao động với người chưa thành niên hoặc người đại diện hợp pháp của người dưới 15 tuổi làm việc tại DN/CSSXKD; các nội dung trong hợp đồng lao động phản ánh rõ quyền lợi và trách nhiệm của NLD, phù hợp với quan hệ lao động và tuân thủ các quy định của pháp luật lao động về độ tuổi, thời gian và điều kiện làm việc;
- 2.2. Xây dựng định mức lao động, thang, bảng lương trong DN, đảm bảo tiền lương cho NLD dưới 18 tuổi không thấp hơn lương tối thiểu vùng và lương của những NLD khác trong DN; khi sử dụng người dưới 18 tuổi làm việc vào ngày nghỉ, ngày lễ thì trả lương theo đúng quy định của pháp luật;
- 2.3. Đảm bảo tất cả NLD đều được cung cấp thông tin liên quan để hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng vị trí làm việc trong DN/CSSXKD.

## **3** Đảm bảo thường xuyên thực hiện các vấn đề liên quan đến an toàn vệ sinh lao động: tổ chức bộ máy an toàn lao động; xây dựng kế hoạch hàng năm và thực hiện đúng các quy định về an toàn lao động (huấn luyện, phổ biến về nội quy, biện pháp an toàn lao động); trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân; thường xuyên kiểm tra máy móc thiết bị, hệ thống điện đảm bảo an toàn nơi sản xuất cho người lao động dưới 18 tuổi cũng như các lao động khác; đặc biệt chú trọng rà soát đảm bảo lao động dưới 18 tuổi không bị bố trí vào các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

## **4** Thực hiện tốt các vấn đề nhằm chăm sóc sức khỏe cho người lao động chưa thành niên và tập thể lao động: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ; định kỳ thường xuyên đo, kiểm tra môi trường lao động và lập hồ sơ vệ sinh lao động

của đơn vị; trang bị đầy đủ các phương tiện kỹ thuật vệ sinh nhằm cải thiện điều kiện lao động tại những nơi sản xuất có phát sinh yếu tố độc hại.

**5** Chủ động tìm hiểu và cập nhật các quy định pháp luật, các thực tiễn tốt của Việt Nam và quốc tế, không ngừng nâng cao nhận thức và năng lực hành động, và tiến tới thực hiện cao hơn các quy định pháp luật trong vấn đề lao động trẻ em;

**6** Tích cực tham gia trao đổi kinh nghiệm, thực tiễn tốt giữa các DN/CSSXKD về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em, tạo điều kiện điều kiện làm việc, an toàn vệ sinh lao động phù hợp với lứa tuổi.

# PHẦN 3:

## NHỮNG CAM KẾT ÁP DỤNG THÊM CHO MỘT SỐ LĨNH VỰC TRỌNG TÂM

---

| 7

### 1. Lĩnh vực da giày và may mặc

Ngoài việc thực hiện các cam kết chung trong Phần II, những NSDLĐ trong lĩnh vực da giày và may mặc thống nhất cùng nhau cam kết thực hiện những nội dung cụ thể như sau:

- 1 Trong trường hợp có các đơn vị, cá nhân làm nhà cung cấp, cơ sở gia công cho DN, NSDLĐ sẽ yêu cầu và hướng dẫn các đơn vị và cá nhân đó tuân thủ những quy định pháp luật và chính sách của DN về vấn đề lao động trẻ em;
- 2 Có kế hoạch giám sát các đơn vị, cá nhân đó tuân thủ đúng các quy định pháp luật về việc sử dụng NLD chưa thành niên và không sử dụng lao động trẻ em;
- 3 Không đặt hàng với các đơn vị, cá nhân bị phát hiện sử dụng lao động trẻ em.

Những công việc cấm sử dụng NLD chưa thành niên trong lĩnh vực này như sau:

| STT | Tên công việc  | Đặc điểm về điều kiện lao động   |
|-----|--|--|
| 1   | Vận hành nồi hơi   | Công việc rất nguy hiểm, thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao                                      |
| 2   | Vận hành máy hồ vải sợi  | Đứng và đi lại trên 7km/8h làm việc; chịu tác động của bụi bông và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép |
| 3   | Nhuộm, hấp vải sợi   | Công việc tiếp xúc với hóa chất độc, môi trường làm việc độ ẩm, nóng                                 |
| 4   | Thủ kho, phụ kho hóa chất, thuốc nhuộm   | Công việc tiếp xúc với hóa chất độc, môi trường làm việc độ ẩm, nóng                                 |
| 5   | Cán ép tấm da lớn, cứng  | Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với nóng                           |
| 6   | Các công việc tiếp xúc dung môi hữu cơ như: ngâm tấm tà vẹt, trải nhũ tương giấy ảnh, in hoa trên màng mỏng, in nhãn trên giấy láng mỏng, cán ép nhựa phenon, vận hành nồi đa tụ keo phenon. | Điều kiện làm việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của nóng, hóa chất độc mạnh, nguy hiểm.                 |
| 7   | Trực tiếp tiếp xúc với hóa chất gây biến đổi gen: 5 Fluro-uracil; Benzen   | Điều kiện làm việc tiếp xúc với hóa chất gây biến đổi gen  |
| 8   | Nhặt hoặc phân loại rác thải, chất thải, các chất thải hoặc phế liệu   | Làm việc trong môi trường độc hại, tiếp xúc với nhiều vi sinh vật có hại                             |



| STT | Tên công việc  | Đặc điểm về điều kiện lao động                      |                             |      |                                   |      |
|-----|--|---|-----------------------------|------|-----------------------------------|------|
| 9   | Công việc phải mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng người lao động chưa thành niên./. | Phân loại   | Công việc thường xuyên (kg) |      | Công việc không thường xuyên (kg) |      |
|     |  |   | Nam                         | Nữ   | Nam                               | Nữ   |
|     |  | Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng) | ≥ 15                        | ≥ 12 | ≥ 10                              | ≥ 8  |
|     |  | Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng) | ≥ 30                        | ≥ 25 | ≥ 20                              | ≥ 15 |
| 10  | Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc   |   |                             |      |                                   |      |

Trong một số công đoạn/chuỗi sản xuất, có thể có một số vị trí làm việc được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc, những NSDLĐ cam kết tuân thủ đúng các quy định trong Điều 145 Bộ Luật Lao động năm 2019.

## 2. Lĩnh vực chế biến thủy hải sản

Ngoài việc thực hiện các cam kết chung trong Phần II, những NSDLĐ trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản thống nhất cùng nhau cam kết thực hiện những nội dung cụ thể như sau:

1. Bố trí NLD chưa thành niên vào những vị trí làm việc có cơ sở vật chất phù hợp với tầm vóc, sức khỏe, tạo tư thế thoải mái và năng suất lao động cao, và hạn chế ảnh hưởng đến sự phát triển thể lực, trí lực và tâm lý của họ;

- 2 Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân (khẩu trang, găng tay, kính, mũ...), thường xuyên đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động nơi làm việc cho NLD chưa thành niên.

Danh mục những công việc cấm sử dụng NLD chưa thành niên trong lĩnh vực này như sau:

| STT   | Tên công việc  | Đặc điểm về điều kiện lao động   |                             |      |                                   |     |
|---|--|--|-----------------------------|------|-----------------------------------|-----|
| 1   | Vận hành hệ thống lạnh (làm nước đá, đông lạnh)  | Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, làm việc trong môi trường lạnh |                             |      |                                   |     |
| 2   | Chế biến chượp, mắm tôm, mắm kem, nước mắm, thủy hải sản khô                                     | Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của nhiệt độ cao                       |                             |      |                                   |     |
| 3   | Công việc thiêu hủy hoặc sát sinh  | Công việc rất nặng nhọc, độc hại, căng thẳng thần kinh tâm lý              |                             |      |                                   |     |
| 4   | Nhặt hoặc phân loại rác thải, chất thải, các chất thải hoặc phế liệu                             | Làm việc trong môi trường độc hại, tiếp xúc với nhiều vi sinh vật có hại   |                             |      |                                   |     |
| 5   | Công việc phải mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng người lao động chưa thành niên./. | Phân loại  | Công việc thường xuyên (kg) |      | Công việc không thường xuyên (kg) |     |
|   |  |  | Nam                         | Nữ   | Nam                               | Nữ  |
|   |  | Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng)                        | ≥ 15                        | ≥ 12 | ≥ 10                              | ≥ 8 |
| Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng) | ≥ 30   | ≥ 25   | ≥ 20                        | ≥ 15 |                                   |     |
|   | Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc   |  |                             |      |                                   |     |

### 3. Lĩnh vực thủ công mỹ nghệ (mây tre đan, dệt chiếu, dệt thổ cẩm và thêu ren)

Ngoài việc thực hiện các cam kết chung trong Phần I, những NSDLĐ trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ (mây tre đan, dệt chiếu, dệt thổ cẩm và thêu ren) thống nhất cùng nhau cam kết thực hiện những nội dung cụ thể như sau:

- 1 Trong trường hợp có các đơn vị, cá nhân làm nhà cung cấp, cơ sở gia công cho DN, NSDLĐ sẽ yêu cầu và hướng dẫn các đơn vị và cá nhân đó tuân thủ những quy định pháp luật và chính sách của DN về vấn đề lao động trẻ em;
- 2 Có kế hoạch giám sát các đơn vị, cá nhân đó tuân thủ đúng các quy định pháp luật về việc sử dụng NLD chưa thành niên và không sử dụng lao động trẻ em;
- 3 Không đặt hàng với các đơn vị, cá nhân bị phát hiện sử dụng lao động trẻ em.

Danh mục những công việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên trong lĩnh vực này như sau:

| STT | Tên công việc  | Đặc điểm về điều kiện lao động   |
|-----|--|--|
| 1   | Vận hành máy hồ vải sợi  | Đứng và đi lại trên 7km/8h làm việc; chịu tác động của bụi bông và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép |
| 2   | Nhuộm, hấp vải sợi   | Công việc tiếp xúc với hóa chất độc, môi trường làm việc độ ẩm, nóng                                 |
| 3   | Thủ kho, phụ kho hóa chất, thuốc nhuộm                               | Công việc tiếp xúc với hóa chất độc, môi trường làm việc độ ẩm, nóng                                 |
| 4   | Nhặt hoặc phân loại rác thải, chất thải, các chất thải hoặc phế liệu | Làm việc trong môi trường độc hại, tiếp xúc với nhiều vi sinh vật có hại                             |
| 5   | Sơ chế tre, nứa, mây, cói  | Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng hơi khí độc vượt tiêu chuẩn cho phép                             |

| STT | Tên công việc  | Đặc điểm về điều kiện lao động                      |                             |      |                                   |      |
|-----|--|---|-----------------------------|------|-----------------------------------|------|
| 6   | Công việc phải mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng người lao động chưa thành niên./. | Phân loại   | Công việc thường xuyên (kg) |      | Công việc không thường xuyên (kg) |      |
|     |  |   | Nam                         | Nữ   | Nam                               | Nữ   |
|     |  | Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng) | ≥ 15                        | ≥ 12 | ≥ 10                              | ≥ 8  |
|     |  | Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng) | ≥ 30                        | ≥ 25 | ≥ 20                              | ≥ 15 |
| 7   | Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc   |   |                             |      |                                   |      |

Trong một số công đoạn/chuỗi sản xuất, có thể có một số vị trí làm việc được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc, những NSDLĐ cam kết tuân thủ đúng các quy định trong Điều 145 Bộ Luật Lao động năm 2019.

#### 4. Lĩnh vực sản xuất đá mỹ nghệ; gỗ mỹ nghệ; chế biến gỗ

Ngoài việc thực hiện các cam kết chung trong Phần II, những NSDLĐ trong lĩnh vực sản xuất đá mỹ nghệ; gỗ mỹ nghệ; chế biến gỗ thống nhất cùng nhau cam kết thực hiện những nội dung cụ thể như sau:

1. Bố trí NLD chưa thành niên vào những vị trí làm việc có cơ sở

vật chất phù hợp với tầm vóc, sức khỏe, tạo tư thế thoải mái và năng suất lao động cao, và hạn chế ảnh hưởng đến sự phát triển thể lực, trí lực và tâm lý của họ;

- 2 Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân (khẩu trang, găng tay, kính, mũ...);
- 3 Thực hiện các biện pháp (tưới nước, hút bụi,...) nhằm giảm thiểu tối đa mức độ bụi đá, bụi gỗ tại nơi làm việc, tạo môi trường làm việc vệ sinh, an toàn lao động cho NLD chưa thành niên;
- 4 Thường xuyên kiểm tra để phát hiện những yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, đặc biệt là hệ thống cung cấp điện cho các máy móc thiết bị, hộp che chắn dây đai máy móc thiết bị, bụi đá, bụi gỗ,... tại nơi sản xuất kinh doanh;
- 5 Trong trường hợp có các đơn vị, cá nhân làm nhà cung cấp, cơ sở gia công cho DN, NSDLĐ sẽ yêu cầu và hướng dẫn các đơn vị và cá nhân đó tuân thủ những quy định pháp luật và chính sách của DN về vấn đề lao động trẻ em;
- 6 Có kế hoạch giám sát các đơn vị, cá nhân đó tuân thủ đúng các quy định pháp luật về việc sử dụng NLD chưa thành niên và không sử dụng lao động trẻ em;
- 7 Không đặt hàng với các đơn vị, cá nhân bị phát hiện sử dụng lao động trẻ em.

Danh mục những công việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên trong lĩnh vực này như sau:

| STT | Tên công việc   | Đặc điểm về điều kiện lao động  |
|-----|---|---|
| 1   | Khai thác đá, đập đá thủ công, cạy bẫy đá trên núi.   | Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm.   |
| 2   | Trực tiếp đưa vật liệu vào máy nghiền đá và làm việc với máy nghiền đá.   | Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.                          |
| 3   | Sử dụng các loại máy cầm tay chạy bằng hơi ép có sức ép từ 4 atm trở lên (như máy khoan, máy búa và các máy tương tự gây những chấn động không bình thường cho thân thể người). | Chịu tác động của ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.                                     |
| 4   | Trực tiếp đào gốc cây có đường kính lớn hơn 40cm bằng phương pháp thủ công.   | Công việc rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó.   |
| 5   | Cưa xẻ gỗ thủ công 2 người kéo bằng phương pháp thủ công (chỉ cấm đối với nữ chưa thành niên).  | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.   |
| 6   | Đốn hạ những cây có đường kính từ 35cm trở lên, cưa cắt cành, tỉa cành trên cao bằng phương pháp thủ công.  | Công việc nặng nhọc, nơi làm việc cheo leo, nguy hiểm.  |
| 7   | Vận xuất gỗ lớn, xeo bản, bốc xếp gỗ có đường kính từ 35cm trở lên bằng thủ công, bằng máng gỗ, bằng cầu trượt gỗ.  | Làm việc ngoài trời ở các địa hình đồi, núi dốc (từ 100 - 150), công việc nặng nhọc, nguy hiểm. |
| 8   | Mò vớt gỗ chìm, cánh kéo gỗ trong âu, triền đưa gỗ lên bờ.  | Làm việc ngoài trời trên sông, suối, công việc thủ công, nặng nhọc, rất nguy hiểm.              |

| STT   | Tên công việc  | Đặc điểm về điều kiện lao động   |                             |      |                                   |     |
|---|--|--|-----------------------------|------|-----------------------------------|-----|
| 9   | Xuôi bè mảng trên sông có nhiều ghềnh thác.  | Làm việc ngoài trời trên sông, suối, công việc thủ công, nặng nhọc, rất nguy hiểm.                       |                             |      |                                   |     |
| 10  | Xẻ gỗ bằng máy cưa đĩa và máy cưa vòng.  | Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, chịu tác động của tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép. |                             |      |                                   |     |
| 11  | Vận hành các máy bào trong nghề gỗ.  | Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, chịu tác động của tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép. |                             |      |                                   |     |
| 12  | Nhặt hoặc phân loại rác thải, chất thải, các chất thải hoặc phế liệu.                      | Làm việc trong môi trường độc hại, tiếp xúc với nhiều vi sinh vật có hại.                                |                             |      |                                   |     |
| 13  | Công việc phải mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng lao động chưa thành niên./. | Phân loại  | Công việc thường xuyên (kg) |      | Công việc không thường xuyên (kg) |     |
|   |  |  | Nam                         | Nữ   | Nam                               | Nữ  |
|   |  | Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng)  | ≥ 15                        | ≥ 12 | ≥ 10                              | ≥ 8 |
| Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng) | ≥ 30   | ≥ 25   | ≥ 20                        | ≥ 15 |                                   |     |
| 14  | Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc   |  |                             |      |                                   |     |

Trong một số công đoạn/chuỗi sản xuất gia công hàng hóa, có thể có một số vị trí làm việc được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc, những NSDLĐ cam kết tuân thủ đúng các quy định trong Điều 145 Bộ luật Lao động năm 2019.



# PHẦN 4:

## GIÁM SÁT - KIỂM TRA

### 1. Giám sát - Đánh giá

NSDLĐ thống nhất cam kết tự giám sát việc thực hiện các nội dung đã được thông qua trong bộ quy tắc ứng xử này.

VCCI cam kết sẽ thành lập Hội đồng giám sát đánh giá việc thực hiện bộ quy tắc ứng xử, bao gồm các đại diện của VCCI, Hội đồng người sử dụng lao động các địa phương, các Hiệp hội doanh nghiệp các tỉnh/thành phố, đại diện của Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, để đảm bảo việc giám sát thực thi các nội dung của quy tắc ứng xử.

VCCI sẽ nghiên cứu, xây dựng bộ công cụ giám sát đánh giá việc thực hiện quy tắc ứng xử. Từng bước thí điểm đưa việc giám sát đánh giá về nội dung này lồng ghép với các hoạt động hàng năm, coi đây là một nội dung trong việc đánh giá các doanh nghiệp thực hiện tốt các vấn đề về trách nhiệm xã hội để động viên khen thưởng và quảng bá tới khách hàng trong nước và quốc tế.

### 2. Bảng kiểm tra giám sát

NSDLĐ thống nhất cam kết thường xuyên sử dụng bảng kiểm sau đây để kiểm tra giám sát việc thực hiện các nội dung phòng ngừa lao động trẻ em và an toàn vệ sinh lao động tại doanh nghiệp/ cơ sở sản xuất kinh doanh:

| STT | Nội dung kiểm tra giám sát  | Kết quả kiểm tra giám sát |       |       |
|-----|---|---------------------------|-------|-------|
|     |   | Có                        | Không | Lưu ý |
| 1   | DN/CSSXKD có sử dụng LĐ trẻ em hay không.   |                           |       |       |
| 2   | DN/CSSXKD có công việc được sử dụng LĐ dưới 18 tuổi hay không.  |                           |       |       |
| 3   | Tất cả mọi NLĐ có được ký hợp đồng LĐ theo quy định hay không.  |                           |       |       |
| 4   | DN/CSSXKD có sử dụng LĐ dưới 15 tuổi làm những nghề, công việc bị cấm hay không.  |                           |       |       |
| 5   | DN/CSSXKD có lập sổ theo dõi riêng đối với LĐ chưa thành niên hay không.  |                           |       |       |
| 6   | DN/CSSXKD có thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi đối với LĐ chưa thành niên và các LĐ khác hay không. |                           |       |       |
| 7   | DN/CSSXKD có tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ không.   |                           |       |       |
| 8   | DN/CSSXKD có trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ và an toàn cho NLĐ hay không.                                     |                           |       |       |
| 9   | DN/CSSXKD có kiểm tra, nhắc nhở NLĐ sử dụng các phương tiện bảo hộ cá nhân hay không.                                     |                           |       |       |
| 10  | DN/CSSXKD có tổ chức bộ máy làm công tác an toàn vệ sinh lao động hay không.  |                           |       |       |

| STT | Nội dung kiểm tra giám sát   | Kết quả kiểm tra giám sát |       |       |
|-----|--|---------------------------|-------|-------|
|     |  | Có                        | Không | Lưu ý |
| 11  | DN/CSSXKD có hệ thống biển báo, biển cấm các vùng nguy hiểm hay không.   |                           |       |       |
| 12  | DN/CSSXKD có nội quy về an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc hay không.   |                           |       |       |
| 13  | DN/CSSXKD có tổ chức đội sơ cấp cứu tại nơi làm việc hay không.  |                           |       |       |
| 14  | DN/CSSXKD có bố trí bình chữa cháy ở chỗ dễ lấy và đảm bảo mọi NLĐ đều biết cách sử dụng hay không.                        |                           |       |       |
| 15  | DN/CSSXKD có lắp các cơ cấu bảo vệ phù hợp cho các bộ phận chuyển động nguy hiểm của máy và thiết bị truyền lực hay không. |                           |       |       |
| 16  | DN/CSSXKD có khai báo tai nạn lao động hay không.  |                           |       |       |
| 17  | DN/CSSXKD có bố trí các góc nghỉ ngơi, những nơi sạch sẽ riêng biệt để NLĐ ăn uống hay không.                              |                           |       |       |
| 18  | DN/CSSXKD có dán tem, nhãn cho các loại hóa chất độc hại, nguy hiểm được sử dụng trong sản xuất kinh doanh hay không.      |                           |       |       |

## Phụ lục 1. Khái niệm và tiêu chí xác định lao động trẻ em

### 1. Các khái niệm cơ bản

#### 1.1. Thế nào là trẻ em

Trẻ em là người dưới 16 tuổi. (Theo Điều 1, Luật Trẻ em, 2016)

#### 1.2. Thế nào là người lao động chưa thành niên

Người Lao động chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi (Theo khoản 1, Điều 143 Luật lao động năm 2019).

#### 1.3. Thế nào là lao động trẻ em

Lao động trẻ em là công việc khiến trẻ em mất đi tuổi thơ, tiềm năng và nhân cách, và có ảnh hưởng xấu tới sự phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ, bao gồm cả việc cản trở khả năng đến trường. Nó bao gồm những công việc:

- **Nguy hiểm và gây hại** cho trẻ em về mặt tinh thần, thể chất, xã hội hay đạo đức; và
- **Cản trở việc học tập** của trẻ em do
  - Lấy đi của các em cơ hội học tập;
  - Buộc các em phải nghỉ học sớm; hay
  - Buộc các em phải kết hợp việc học với làm việc nặng nhọc và trong nhiều giờ.

(Chương trình Quốc tế về Xóa bỏ Lao động Trẻ em ILO – IPEC)

#### 1.4. Tuổi lao động tối thiểu

Tuổi lao động tối thiểu không được thấp hơn độ tuổi kết thúc chương trình giáo dục bắt buộc và do luật quốc gia quy định.

Ở Việt Nam, Bộ luật Lao động 2019 quy định tuổi lao động tối thiểu là đủ 15 tuổi. (*Khoản 1 Điều 3, BLLĐ 2019*).

#### 1.5. Công việc nhẹ

Công việc nhẹ là công việc trẻ em có thể thực hiện mà không ảnh hưởng tới sức khỏe và sự an toàn, hoặc không cản trở việc học tập hoặc đào tạo nghề của các em.

Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH quy định danh mục công việc được sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc và Danh mục công việc được sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm việc. Người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi được làm mọi công việc trừ những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất khác.

#### 1.6. Công việc nguy hại

Công việc nguy hại là những công việc hoặc nghề nghiệp nào mà do tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn hoặc đạo đức của thanh thiếu niên. (*Công ước 138 của ILO năm 1973*)

Công việc nguy hại là một trong những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. Danh mục công việc này do luật quốc gia quy định (xem Tiêu chí 3 ở Mục 2 dưới đây để xem quy định ở Việt Nam).

#### 1.7. Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất

“Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất” bao gồm:

- (a) mọi hình thức ***nô lệ hoặc tương tự nô lệ***, như buôn bán trẻ em, gán nợ, lao động khổ sai, lao động cưỡng bức, bao gồm tuyển mộ cưỡng bức hoặc bắt buộc trẻ em để phục vụ trong các cuộc xung đột vũ trang;
- (b) sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia vào hoạt động

**mại dâm**, sản xuất văn hóa phẩm **khiêu dâm** hoặc biểu diễn khiêu dâm;

- (c) sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia các hoạt động **bất hợp pháp**, đặc biệt là hoạt động sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và buôn bán các chất ma túy như đã được xác định trong các điều ước quốc tế có liên quan;
- d) những công việc mà tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể **có hại cho sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ**.

(Điều 3 Công ước 182 của ILO năm 1999)

## 2. Khi nào một công việc do trẻ em thực hiện bị coi là lao động trẻ em

Không phải tất cả các công việc trẻ em làm đều bị coi là "lao động trẻ em" và cần phải xoá bỏ. Tuy nhiên, có thể xác định trẻ em và người dưới 18 tuổi là lao động trẻ em nếu vi phạm bất kỳ một tiêu chí nào trong các tiêu chí sau đây.

### 2.1 Loại công việc

Loại công việc được giới hạn theo 3 nhóm tuổi (đồng thời thỏa mãn tiêu chí thời giờ làm việc theo nhóm tuổi) như sau:

|                      |   |
|----------------------|---|
| Dưới 13 tuổi         | Làm những công việc ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 145 Luật lao động năm 2019 và "Danh mục công việc được sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc" quy định tại khoản 6, Điều 3 Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH và "Các trường hợp ngoại trừ" theo Công ước số 138 của ILO (Phụ lục 4). |
| Đủ 13 – dưới 15 tuổi | Làm những công việc ngoài "Danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm" quy định tại quy định tại Phụ lục II, Thông tư số 11/2013/TT-LĐTBXH. và "Các trường hợp ngoại trừ" theo Công ước số 138 của ILO (Phụ lục 4).  |
| Đủ 15 – dưới 18 tuổi | Tham gia mọi công việc và hoạt động kinh tế mà vi phạm quy định tại Khoản 1, Điều 147 Luật Lao động năm 2019 và "Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên" quy định tại Phụ lục III, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH.  |

Tuy nhiên, nếu những CÔNG VIỆC cấm sử dụng người chưa thành niên này rơi vào các trường hợp ngoại trừ theo Điều 6 Công ước 138 của ILO (*Phụ lục 4*), và các em được bảo vệ đầy đủ, được hướng dẫn hay đào tạo một cách cụ thể và thích đáng (theo Khoản 3 Điều 1 của Công ước 138 của ILO), thì các em có thể tham gia trong khuôn khổ chương trình giáo dục, đào tạo hoặc hướng nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

## 2.1 Nơi làm việc

Giới hạn theo nơi làm việc như sau:

- a) **Những nơi làm việc bị cấm quy định** tại khoản 2 Điều 147 Bộ Luật Lao động năm 2019, cụ thể:
- Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm;
  - Công trường xây dựng;
  - Cơ sở giết mổ gia súc;
  - Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở tắm hơi, cơ sở xoa bóp; điểm kinh doanh xổ số, dịch vụ trò chơi điện tử;
  - Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.
- b) Những nơi làm việc bị cấm quy định tại **“Danh mục nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên”** quy định tại Phụ lục IV, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH.

Tuy nhiên, nếu những NƠI LÀM VIỆC cấm sử dụng người chưa thành niên này rơi vào các trường hợp ngoại trừ theo Điều 6 Công

---

<sup>1</sup> Theo Điều 146 Bộ luật Lao động năm 2019. Người dưới 15 tuổi không được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm và người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề và công việc theo quy định. Điều luật này được cụ thể hóa ở “Danh mục nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm” quy định tại Phụ lục V, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH.

ước 138 của ILO (Phụ lục 4), và các em được bảo vệ đầy đủ, được hướng dẫn hay đào tạo một cách cụ thể và thích đáng (theo Khoản 3 Điều 1 của Công ước 138 của ILO), thì các em có thể tham gia trong khuôn khổ chương trình giáo dục, đào tạo hoặc hướng nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

### 2.3. Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất

Không được phép sử dụng người dưới 18 tuổi vào những công việc sau đây:

- a) Mọi hình thức nô lệ hoặc tương tự nô lệ, như buôn bán trẻ em, gán nợ, lao động khổ sai, lao động cưỡng bức, bao gồm tuyển mộ cưỡng bức hoặc bắt buộc trẻ em để phục vụ trong các cuộc xung đột vũ trang;
- b) Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia vào hoạt động mại dâm, sản xuất văn hóa phẩm khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm;
- c) Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt là hoạt động sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và buôn bán các chất ma túy như đã được xác định trong các điều ước quốc tế có liên quan;
- d) Những công việc mà tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ.

*(Theo Điều 3 Công ước 182 của ILO năm 1999)*

### 2.4. Thời giờ làm việc

Giới hạn theo ngày và theo tuần cho 2 nhóm tuổi (đồng thời thỏa mãn tiêu chí thời giờ làm việc quy định tại Điều 146 Luật lao động năm 2019) như sau:

|                      |   |
|----------------------|---|
| Dưới 15 tuổi         | Không quá 4 giờ/ ngày và 20 giờ/ tuần   |
| Đủ 15 – dưới 18 tuổi | Không quá 8 giờ/ ngày và 40 giờ/ tuần<br>(mọi công việc trừ công việc vi phạm tiêu chí thứ hai và ba) |



## **Phụ lục 2. Độ tuổi lao động, thời giờ làm việc và trách nhiệm của người sử dụng lao động khi sử dụng người lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam**

Bộ luật Lao động của Việt Nam năm 2019 và các nghị định, thông tư hướng dẫn tạo ra khung pháp lý về việc sử dụng NLD chưa thành niên. Đây là những quy định pháp luật lao động quốc gia liên quan trực tiếp nhất đến vấn đề lao động trẻ em. Có thể tóm tắt như sau.

### **1. Độ tuổi lao động**

- Người lao động là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động. (Khoản 1 Điều 3 BLLĐ 2019)
- Người Lao động chưa thành niên là người lao động chưa đủ 18 tuổi (theo khoản 1 Điều 143 Luật Lao động năm 2019)

### **2. Thời giờ làm việc của người lao động chưa thành niên**

- Thời giờ làm việc của người chưa đủ 15 tuổi không được quá 04 giờ trong 01 ngày và 20 giờ trong 01 tuần; không được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm (Khoản 1 Điều 146 Luật lao động năm 2019).
- Khi sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc thì người sử dụng lao động phải bố trí giờ làm việc không ảnh hưởng đến thời gian học tập của người chưa đủ 15 tuổi (Mục b, Khoản 1, Điều 143 Luật lao động năm 2019).
- Thời giờ làm việc của người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không được quá 08 giờ trong 01 ngày và 40 giờ trong 01 tuần. Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm

giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề, công việc theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (Khoản 2 Điều 146 Luật lao động năm 2019).

### 3. Trách nhiệm của người sử dụng lao động khi sử dụng người lao động chưa thành niên

- Chỉ được sử dụng người lao động chưa thành niên vào những công việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc người lao động chưa thành niên về các mặt lao động, tiền lương, sức khỏe, học tập trong quá trình lao động. (Khoản 1, 2 Điều 144 BLLĐ 2019)
- Không được sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc chỗ làm việc, công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của họ theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành.<sup>3</sup> (Điều 147 BLLĐ 2019)
- Lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh, công việc đang làm, kết quả những lần kiểm tra sức khỏe định kỳ và xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. (Khoản 3 Điều 144 BLLĐ 2019)
- Tạo cơ hội để người lao động chưa thành niên và người dưới 15 tuổi tham gia lao động được học văn hoá. (Khoản 4 Điều 144 BLLĐ 2019)

Hơn nữa, khi sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc, NSDLĐ có thêm những trách nhiệm bổ sung sau (Điều 144, BLLĐ 2019):

---

<sup>2</sup> Xem tại "Danh mục nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm" quy định tại Phụ lục V, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH.

<sup>3</sup> Xem Phụ lục 3.

- Không được sử dụng lao động là người dưới 13 tuổi và người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm việc trừ một số công việc cụ thể do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định<sup>4</sup>.
- Phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật và phải được sự đồng ý của người lao động dưới 15 tuổi;
- Bố trí giờ làm việc không ảnh hưởng đến giờ học tại trường học của trẻ em;
- Bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn lao động, vệ sinh lao động phù hợp với lứa tuổi.

Trong trường hợp vi phạm quy định pháp luật về sử dụng người lao động chưa thành niên, NSDLĐ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 95/2013/NĐ-CP năm 2013 và Nghị định 144/2013/NĐ-CP năm 2013. Trường hợp hành vi vi phạm cấu thành tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi và một số tội khác liên quan đến các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, có thể bị xử phạt theo Bộ luật Hình sự năm 2017.

---

<sup>4</sup> Xem Phụ lục 5.

### **Phụ lục 3. Các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam**

#### **A. Theo Bộ Luật Lao động năm 2019**

##### **1. Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi LÀM CÁC CÔNG VIỆC sau đây:**

- a) Mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng của người chưa thành niên;
- b) Sản xuất, kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần hoặc chất gây nghiện khác;
- c) Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ;
- d) Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc;
- đ) Phá dỡ các công trình xây dựng;
- e) Nấu, thổi, đúc, cán, dập, hàn kim loại;
- g) Lặn biển, đánh bắt thủy, hải sản xa bờ;
- h) Công việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.

*(Theo khoản 1 Điều 147, Bộ luật Lao động năm 2019)*

##### **2. Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi LÀM VIỆC Ở CÁC NƠI sau đây:**

- a) Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm;
- b) Công trường xây dựng;
- c) Cơ sở giết mổ gia súc;
- d) Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở tắm hơi, cơ sở xoa bóp; điểm kinh doanh xổ số, dịch vụ trò chơi điện tử;
- đ) Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.

*(Theo khoản 2 Điều 147, Bộ luật Lao động năm 2019)*

## **B. Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 147 của bộ luật lao động**

1. Trực tiếp luyện quặng kim loại màu (đồng, chì, thiếc, thủy ngân, kẽm, bạc).
2. Đốt và ra lò luyện cốc.
3. Đốt lò đầu máy hơi nước.
4. Vận hành nồi hơi đốt nhiên liệu (than đá, bã mía, củi, mùn cưa, trấu) và nồi hơi sử dụng nhiên liệu lỏng và có khí áp suất làm việc từ 4,0 bar trở lên, công suất trên 0,5 T/h).
5. Vận hành hệ thống điều chế và nạp axetylen, oxy, hydro, clo và các khí hoá lỏng, các trạm khí nén có áp suất 8,0 bar.
6. Vận hành hệ thống lạnh (làm nước đá, đông lạnh).
7. Lắp đặt khuôn máy rèn, dập, ép, cắt kim loại (không phân biệt máy hơi nước, khí nén, điện hoặc cơ).
8. Thu gom bã thải sản xuất cồng công nghiệp.
9. Vận hành máy hồ vải sợi.
10. Nhuộm, hấp, vải sợi.
11. Chủ nhiệm kho, thủ kho, phụ kho kho hóa chất, thuốc nhuộm.
12. Khai thác đá, đập đá thủ công, cạy bẫy đá trên núi.
13. Trực tiếp đưa vật liệu vào máy nghiền đá và làm việc với máy nghiền đá.
14. Tuyển quặng chì.
15. Sử dụng các loại máy cầm tay chạy bằng hơi ép có sức ép từ 4 atm trở lên (như máy khoan, máy búa và các máy tương tự gây những chấn động không bình thường cho thân thể người).

16. Đãi, tuyển vàng, quặng, đá đỏ.
17. Trục tiếp đào gốc cây có đường kính lớn hơn 40cm bằng phương pháp thủ công.
18. Cưa xẻ gỗ 2 người kéo bằng phương pháp thủ công.
19. Đốn hạ những cây có đường kính từ 35cm trở lên, cưa cắt cành, tỉa cành trên cao bằng phương pháp thủ công.
20. Vận xuất gỗ lớn, xeo bản, bốc xếp gỗ có đường kính từ 35cm trở lên bằng thủ công, bằng máng gỗ, bằng cầu trượt gỗ.
21. Mò vót gỗ chìm, cánh kéo gỗ trong âu, triền đưa gỗ lên bờ.
22. Xuôi bè mảng trên sông có nhiều ghềnh thác.
23. Lái máy kéo nông nghiệp.
24. Các công việc khai thác phân dơi; khai thác tổ yến tự nhiên ngoài đảo.
25. Xẻ gỗ bằng máy cưa đĩa và máy cưa vòng.
26. Vận hành các máy bào trong nghề gỗ (trừ máy cầm tay).
27. Trục tiếp nuôi, huấn luyện thú dữ hoặc động vật có nọc độc.
28. Sơ chế tre, nứa, mây và cói, nếu có sử dụng hóa chất độc hại.
29. Đốt lò nung gạch chịu lửa, lò vôi, tôi vôi bằng phương pháp thủ công.
30. Công việc phải làm một mình trên đường sắt, hoặc ở nơi tầm nhìn của người công nhân không vượt quá 400m.
31. Công việc di chuyển, nối hoặc tách toa xe trong xưởng máy, trên đường sắt.
32. Điều khiển các phương tiện giao thông vận tải có động cơ có dung tích xi lanh từ 50 cm<sup>3</sup> trở lên.
33. Móc buộc tải trọng cho cầu trục, cần trục, cổng trục, palăng điện.

34. Khảo sát đường sông.
35. Các công việc trên tàu đi biển, trừ trường hợp đủ 16 tuổi trở lên.
36. Lắp đặt giàn khoan.
37. Làm việc ở giàn khoan trên biển.
38. Công việc gác tàu, trông tàu trong âu, triền đà.
39. Khoan thăm dò giếng dầu và khí.
40. Khoan thăm dò, khoan nổ mìn, bắn mìn.
41. Cán ép tấm da lớn, cứng.
42. Tráng paraphin trong bể rượu.
43. Lưu hoá, hình thành, bốc dỡ sản phẩm cao su cỡ lớn như: thùng, két nhiên liệu, lốp ô tô.
44. Công việc tiếp xúc với xăng, dầu trong hang, hầm: giao nhận, bảo quản, vận hành máy bơm và đo xăng, dầu.
45. Đốt lò sinh khí nấu thủy tinh, thổi thủy tinh bằng miệng.
46. Châm lửa cho máy đốt dầu tiêu thụ từ 400 l/h.
47. Các công việc đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy phải mang vắc, gá đặt vật gia công có trọng lượng từ 20kg trở lên.
48. Vận hành lò đốt rác và xử lý nước thải.
49. Nấu, tẩy rửa bột giấy bằng clo.
50. Lắp đặt sửa chữa đường dây điện trong cống ngầm hoặc trên cột ngoài trời, đường dây điện cao thế, lắp dựng cột điện cao thế.
51. Lắp đặt, sửa chữa cáp ngầm, cáp treo của đường dây điện thông tin.
52. Vận hành, trực các trạm điện hạ áp, trung áp và cao áp.

53. Kiểm tra, sửa chữa và xử lý các mạch điện có điện thế 700 V trong trường hợp dòng điện một chiều; trên 220V trong trường hợp dòng điện xoay chiều và các vật duy trì mạch điện đó.
54. Công việc ở đài phát thanh, phát sóng tần số radiô như đài phát thanh, phát hình và trạm radar, trạm vệ tinh viễn thông... bị ảnh hưởng bởi điện từ trường vượt quá tiêu chuẩn cho phép.
55. Sửa chữa lò, thùng, tháp kín, đường ống trong sản xuất hóa chất.
56. Các công việc tiếp xúc dung môi hữu cơ như: ngâm tẩm tà vẹt, trải nhũ tương giấy ảnh, in hoa trên màng mỏng, in nhãn trên giấy láng mỏng, cán ép nhựa phenon, vận hành nồi đa tụ keo phenon.
57. Trực tiếp tiếp xúc với hoá chất gây biến đổi gen:
  - 57.1. Hóa chất: 5 Fluro- uracil;
  - 57.2. Hóa chất: Benzen.
58. Trực tiếp tiếp xúc với các hoá chất, hợp chất gây tác hại sinh sản lâu dài (như gây thiếu năng tinh hoàn, thiếu năng buồng trứng):
  - 58.1. Estrogen;
  - 58.2. Axít cis-retinoic;
  - 58.3. Cacbaryl;
  - 58.4. Dibromua clo propan(DBCP);
  - 58.5. Toluendiamin và dinitrotoluen;
  - 58.6. Polyclorin biphenyl (PCBs);
  - 58.7. Polybromua biphenyl (PBBs).
59. Trực tiếp tiếp xúc (bao gồm các khâu: sản xuất, đóng gói, pha chế, phun thuốc, khử trùng kho) với các hoá chất trừ sâu, trừ cỏ, diệt mối mọt, diệt chuột, trừ muỗi có chứa Clo hữu cơ và một số hoá chất có khả năng gây ung thư sau đây:



- 59.1. Hóa chất: 1,4 butanediol, dimetansunfonat;
- 59.2. Hóa chất: 4 aminnobiphenyl;
- 59.3. Amiăng loại amosit, amiăng loại crysotil, amiăng loại crocidolit;
- 59.4. Asen (hay thạch tín), canxi asenat;
- 59.5. Dioxin;
- 59.6. Diclorometyl-ete;
- 59.7. Các loại muối cromat không tan;
- 59.8. Nhựa than đá, phần bay hơi nhựa than đá;
- 59.9. Xyclophotphamit;
- 59.10. Diethylstilboestol;
- 59.11. Hóa chất: 2, Naphtylamin;
- 59.12. Hóa chất: N, N - di (Cloroetyl). 2. Naphtylamin;
- 59.13. Thori dioxyt;
- 59.14. Theosufan;
- 59.15. Vinyl clorua, vinyl clorid;
- 59.16. Hóa chất: 4- amino, 10- metyl folic axít;
- 59.17. Thủy ngân, hợp chất metyl thủy ngân, metyl thủy ngân clorua;
- 59.18. Nitơ pentoxyt;
- 59.19. Hóa chất: 2,3,7,8 tetracloro dibenzen furan;
- 59.20. Hóa chất: 2- alphaphenyl-beta axetyletyl;
- 59.21. Axety salixylic axít;
- 59.22. Asparagin;
- 59.23. Benomyl;

- 59.24. Boric axit;
  - 59.25. Cafein;
  - 59.26. Dimetyl sunfoxid;
  - 59.27. Direct blue-1;
  - 59.28. Focmamid;
  - 59.29. Hydrocortison, Hydrocortission axetat;
  - 59.30. Iod (kim loại);
  - 59.31. Chì, chì axetat, chì nitrat (tiếp xúc với xăng sơn, mực in có chứa chì, sản xuất ắc quy, hàn chì);
  - 59.32. Mercapto, purin;
  - 59.33. Kali bromua, kali iodua;
  - 59.34. Propyl- thio- uracil;
  - 59.35. Ribavirin;
  - 59.36. Natri asenat, natri asenit, natri iodua, natri salixylat;
  - 59.37. Tetrametyl thiuram disunfua;
  - 59.38. Trameinnolon axetonid;
  - 59.39. Triton WR-1339;
  - 59.40. Trypan blue;
  - 59.41. Valproic axit;
  - 59.42. Vincristin sunfat;
  - 59.43. Khí dụng Vinazol.
60. Tiếp xúc thường xuyên với các hoá chất sau đây
- 60.1. Oxyt cacbon (CO): trong vận hành lò tạo khí than, thải xỉ;
  - 60.2. Các loại thuốc nhuộm có gốc anilin, xylizin, toluzin, auramin;
  - 60.3. Các hợp chất có gốc xianua (-CN-);

- 60.4. Phốt pho và các hợp chất  $P_2O_5$ ,  $P_2S_5$ ,  $PCl_3$ ,  $H_3P$ ;
  - 60.5. Trinitro toluen (TNT);
  - 60.6. Mangan dioxyt ( $MnO_2$ );
  - 60.7. Photgein ( $COCl_2$ );
  - 60.8. Disunfua cacbon ( $CS_2$ );
  - 60.9. Oxit nitơ và axit nitric;
  - 60.10. Anhydrit sunfuaric và axit sunfuaric;
  - 60.11. Đất đèn ( $CaC_2$ ) như vận hành lò đất đèn dạng hở, thải xỉ.
61. Làm việc trong thùng chìm.
  62. Nạo vét cống ngầm, công việc phải ngâm mình thường xuyên dưới nước bẩn hôi thối.
  63. Sản xuất photpho vàng.
  64. Mổ tử thi, liệm mai táng người chết, bốc mồ mả, các công việc trong nhà xác.
  65. Nhặt hoặc phân loại rác thải, chất thải, các chất thải hoặc phế liệu.
  66. Công việc tiếp xúc với hơi thuốc gây mê hàng ngày, làm việc ở khoa hồi sức cấp cứu, khoa chống nhiễm khuẩn, kiểm soát nhiễm khuẩn ở khoa lâm của các cơ sở y tế, các trung tâm truyền máu, các cơ sở sản xuất vắc xin phòng bệnh, tham gia dập tắt các ổ dịch, làm việc ở khu điều trị bằng sóng ngắn, siêu âm.
  67. Lắp dựng, tháo dỡ hoặc thay đổi giàn giáo.
  68. Công việc phải mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng lao động chưa thành niên:

| Tuổi của lao động chưa thành niên                   | Công việc không thường xuyên (kg) |           | Công việc thường xuyên (kg) |           |
|---|-----------------------------------|-----------|-----------------------------|-----------|
|   | Nam                               | Nữ        | Nam                         | Nữ        |
| Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng) | $\geq 15$                         | $\geq 12$ | $\geq 10$                   | $\geq 8$  |
| Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng) | $\geq 30$                         | $\geq 25$ | $\geq 20$                   | $\geq 15$ |

69. Phân loại, tái chế các sản phẩm có chứa than chì.

### **C. Danh mục nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 147 của bộ luật lao động**

1. Tiếp xúc với các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại có trong môi trường lao động nằm ngoài giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh lao động, bao gồm: điện từ trường, rung, ồn, nhiệt độ, bụi silic, bụi không chứa silic, bụi bông, bụi amiăng, bụi than, bụi tale; các loại chất, tia phóng xạ; bức xạ bởi tia X, các chất độc hại và các tia có hại khác.
2. Tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh.
3. Thời gian làm việc trên 04 giờ/ngày trong không gian làm việc gò bó, chật hẹp, công việc có khi phải quỳ gối, nằm, cúi khom.
4. Trên giá cao hay dây treo cao hơn 2 m so với mặt sàn làm việc; địa hình đồi núi dốc trên 300.
5. Các công việc ở trong hố sâu hơn 5m.
6. Làm việc trong nhà tù hoặc trong bệnh viện tâm thần.

## **D. Theo Thông tư liên tịch số 21/2004/TTLT-BLĐT-BXH-BYT 2004**

Danh mục chỗ làm việc, công việc không được sử dụng lao động dưới 18 tuổi.

### **1. Tại các cơ sở dịch vụ lưu trú: khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, biệt thự kinh doanh du lịch, căn hộ cho thuê và cơ sở lưu trú khác.**

#### 1.1. Chỗ làm việc:

- Phòng bảo vệ;
- Quầy bar, lễ tân;
- Bộ phận phục vụ buồng;

#### 1.2. Công việc:

- Bảo vệ;
- Lễ tân;
- Phục vụ buồng, phòng;
- Phục vụ bàn, bar.

### **2. Tại các cơ sở dịch vụ văn hoá: vũ trường, karaoke; hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên tại khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống, giải khát, quán bar, quán cà phê; đại lý cung cấp dịch vụ truy cập Internet.**

#### 2.1. Chỗ làm việc:

- Phòng hát;
- Sàn nhảy;
- Sân khấu;
- Nơi trực tiếp phục vụ khách hàng truy cập Internet.

#### 2.2. Công việc:

- Điều khiển thiết bị âm thanh, ánh sáng;
- Hát với khách;
- Khiêu vũ cùng khách;
- Nhảy trình diễn nghệ thuật;
- Nhảy trình diễn không nghệ thuật;
- Biểu diễn nhạc sống;

- Điều hành các hoạt động trực tiếp tại sân khiêu vũ;
- Phục vụ khách truy cập Internet.

### **3. Tại các cơ sở dịch vụ trị liệu phục hồi sức khỏe: xoa bóp/massage, tắm hơi, tắm quất bấm huyết, vật lý trị liệu.**

#### 3.1. Chỗ làm việc:

- Phòng tắm hơi;
- Phòng xoa bóp/massage, tắm quất.

#### 3.2. Công việc:

- Xoa bóp/massage;
- Các công việc khác tại phòng xoa bóp/massage, phòng tắm.

### **4. Tại các cơ sở dịch vụ khác: tắm nóng lạnh, hớt tóc, gội đầu thư giãn, cơ sở kinh doanh vận chuyển khách du lịch, lễ hành.**

#### 4.1. Chỗ làm việc:

- Phòng cắt tóc gội đầu kín;
- Phòng chơi game (trò chơi điện tử có thưởng, bi-a, đánh cờ, bowling);
- Nơi dịch vụ thể thao trong nhà, ngoài trời, trên biển, leo núi.

#### 4.2. Công việc:

- Phục vụ khách tắm;
- Cắt tóc;
- Gội đầu;
- Xoa bóp/massage;
- Hướng dẫn du lịch;
- Lái xe xích lô và các phương tiện thô sơ chuyên dùng vận chuyển khách du lịch.

## Phụ lục 4. Các trường hợp ngoại trừ theo Công ước 138 của ILO

### Điều 3.

1. Đối với bất kỳ công việc hoặc nghề nghiệp nào mà do tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn hoặc đạo đức của thanh thiếu niên thì mức tuổi lao động tối thiểu không được dưới 18 tuổi.

...

3. Mặc dù có quy định ở khoản 1 điều này, các luật hoặc văn bản pháp quy quốc gia hay các nhà chức trách có thẩm quyền vẫn có thể, sau khi tham khảo ý kiến các tổ chức của người sử dụng lao động và của người lao động có liên quan, cho phép việc tuyển dụng hoặc tham gia làm việc các thanh thiếu niên từ độ tuổi 16, **với điều kiện là sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của họ phải được bảo vệ đầy đủ và những thanh thiếu niên này phải được hướng dẫn hay đào tạo một cách cụ thể và thích đáng để làm các công việc tương ứng.**

### Điều 6.

Công ước này không áp dụng với những hình thức lao động do trẻ em hoặc người chưa thành niên thực hiện ở các trường phổ thông, giáo dục nghề nghiệp hoặc kỹ thuật hay trong các cơ sở đào tạo khác; hoặc với những công việc do những người từ đủ 14 tuổi trở lên thực hiện trong các cơ sở kinh doanh, **nếu được thực hiện theo đúng những điều kiện mà nhà chức trách có thẩm quyền quy định sau khi tham khảo ý kiến các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động có liên quan**, và là một phần không tách rời của:

**(a) một chương trình giáo dục hoặc đào tạo nghề mà trách nhiệm trước hết thuộc một trường hoặc một cơ sở đào tạo nghề;**



- (b) một chương trình đào tạo nghề được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và được tiến hành chủ yếu hoặc toàn bộ tại một doanh nghiệp;
- (c) một chương trình hướng nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc lựa chọn một nghề hoặc một hướng đào tạo nào đó.

## **Phụ lục 5. Các công việc được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc theo pháp luật Việt Nam**

*(Theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ LĐTBXH)*

### **A. Danh mục công việc được sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc**

Các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa đủ 13 tuổi và phải có sự đồng ý của Sở LĐTBXH theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH

### **B. Danh mục công việc được sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm việc**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

1. Biểu diễn nghệ thuật.
2. Vận động viên thể thao.
3. Lập trình phần mềm.
4. Các nghề truyền thống: chấm men gốm; cưa vỏ trai; làm giấy dó; làm nón lá; chấm nón; dệt chiếu; làm trống; dệt thổ cẩm; thêu thổ cẩm; làm bún gạo; làm miến; làm giá đỗ; làm bánh đa; dệt tơ tằm; se sợi hoa sen; vẽ tranh sơn mài, se nhang, làm vàng mã (trừ các công đoạn có sử dụng hóa chất độc hại như sơn ta, hóa chất tẩy rửa, hóa chất dùng để ướp màu, hóa chất tạo mùi, tạo tàn nhang cong...).

5. Các nghề thủ công mỹ nghệ: thêu ren; mộc mỹ nghệ; làm lược sừng; làm tranh dân gian (tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống...); nặn tò he; làm tranh khắc gỗ, biểu tranh lụa; nhặt vỏ sò, điệp để gắn trên tranh mỹ nghệ; mài đánh bóng tranh mỹ nghệ; khâu chuỗi tràng hạt kết cườm, đánh bóng trang sức mỹ nghệ; làm rối búp bê; làm thiệp mừng các sản phẩm từ giấy nghệ thuật trang trí trên thiệp mừng; làm khung tranh mô hình giấy, hộp giấy, túi giấy.
6. Đan lát, làm các đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên như: mây, tre, nứa, dừa, chuối, bèo lục bình, đay, cói, quế, guột, đốt, lá nón.
7. Gói nem, gói kẹo, gói bánh(trừ việc vận hành hoặc sử dụng các máy, thiết bị, dụng cụ đóng gói).
8. Nuôi tằm.
9. Làm cỏ vườn rau sạch; thu hoạch rau, củ, quả sạch theo mùa.
10. Chăn thả gia súc tại nông trại.
11. Phụ gỡ lưới cá, đan lưới cá, phơi khô thủy sản.
12. Cắt chỉ, đơm nút, thừa khuyết, đóng gói vào hộp các sản phẩm dệt thủ công.



ISBN 978-92-2-133993-9 (web pdf)